

CHƯƠNG I: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)

Bài 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- Mục tiêu :**
- Hiểu biết về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
 - Xác định được mục đích, tính chất của công tác bảo hộ lao động
 - Trình bày các biện pháp về kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động (VSLĐ)

I. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Lao động và khoa học lao động

a. Lao động (LĐ)

Lao động tạo ra của cải vật chất làm cho xã hội tồn tại và phát triển. LĐ của con người là một trong những yếu tố quyết định nhất, năng động nhất trong sản xuất.

Lao động được thực hiện trong một hệ thống LĐ và nó được thể hiện với việc sử dụng những tri thức về khoa học an toàn.

b. Khoa học lao động

Là một hệ thống phân tích sắp xếp, thể hiện những điều kiện kỹ thuật, tổ chức và xã hội của quá trình LĐ với mục đích đạt hiệu quả cao.

2. Điều kiện lao động

Điều kiện LĐ là tổng thể các yếu tố kỹ thuật, tổ chức LĐ, kinh tế, xã hội, tự nhiên thể hiện qua quá trình công nghệ, công cụ LĐ, đối tượng LĐ, môi trường LĐ, năng lực của người LĐ và sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó tạo điều kiện cần thiết cho quá trình hoạt động của con người trong quá trình LĐ sản xuất.

Điều chúng ta quan tâm là các yếu tố biểu hiện điều kiện LĐ có ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe và tính mạng con người.

3. Tai nạn lao động

Tai nạn LĐ là những chấn thương xảy ra có thể gây tử vong hoặc gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người LĐ, trong quá trình người LĐ đang thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ LĐ.

Nhiễm độc đột ngột trong khi làm việc cũng là một dạng tai nạn LĐ.

4. Bệnh nghề nghiệp

Bệnh phát sinh do tác động của điều kiện LĐ có hại đối với người LĐ được gọi là bệnh nghề nghiệp. Ví dụ bệnh bụi phổi Silicosis, Asbestosis thường có ở ngành than, khai thác khoáng sản, hóa dệt...

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

1. Mục đích của công tác BHLĐ

- Đảm bảo an toàn thân thể người LĐ, hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc không để xảy ra tai nạn, chấn thương, gây tàn phế hoặc tử vong trong LĐ.
- Bảo đảm người LĐ mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện LĐ không tốt gây ra.
- Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng LĐ cho người LĐ

2. Ý nghĩa của công tác BHLĐ

a. Ý nghĩa chính trị

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

BHLĐ thể hiện quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Thực hiện tốt công tác BHLĐ là góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống người LĐ, biểu hiện quan điểm quần chúng, quý trọng con người của Đảng và Nhà nước; vai trò của con người trong xã hội được tôn trọng.

Ngược lại nếu công tác BHLĐ không thực hiện tốt, điều kiện làm việc của người LĐ còn quá nặng nhọc, độc hại, dễ xảy ra nhiều tai nạn LĐ nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

b. Ý nghĩa xã hội

BHLĐ là chăm lo đời sống, hạnh phúc cho người LĐ. BHLĐ là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người LĐ.

BHLĐ đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, mọi người LĐ được sống khỏe mạnh, làm việc có hiệu quả cao và có vị trí xứng đáng trong xã hội, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ khoa học kỹ thuật.

Khi tai nạn LĐ không xảy ra, sức khỏe người LĐ được đảm bảo thì nhà nước, xã hội, gia đình sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung cho các công trình phúc lợi xã hội.

c. Ý nghĩa kinh tế

Thực hiện tốt công tác BHLĐ sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt.

Trong sản xuất nếu người LĐ được bảo vệ tốt, có sức khỏe, không bị ốm đau bệnh tật, điều kiện làm việc thoải mái, không nơm nớp lo sợ bị tai nạn LĐ, mắc bệnh nghề nghiệp, thì sẽ an tâm, phấn khởi sản xuất; phấn đấu để có ngày công, giờ công cao; phấn đấu tăng năng suất LĐ và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Do vậy, phúc lợi tập thể được tăng lên, có thêm những điều kiện để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân người LĐ và tập thể LĐ. Từ đó có tác dụng tích cực bảo đảm đoàn kết nội bộ và đẩy mạnh sản xuất.

Nói chung, tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp xảy ra dù ít hay nhiều đều dẫn tới sự thiệt hại về người và tài sản, gây trở ngại cho sản xuất. Vì vậy, quan tâm thực hiện tốt công tác BHLĐ là thể hiện quan điểm đúng đắn về sản xuất. Sản xuất an toàn – An toàn để sản xuất – An toàn là hạnh phúc của người LĐ; là điều kiện đảm bảo cho sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

III. NỘI DUNG, TÍNH CHẤT CỦA CÔNG TÁC BHLĐ

1. Nội dung

a. Kỹ thuật an toàn

Kỹ thuật an toàn là hệ thống các biện pháp, phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động. Tất cả các biện pháp đó được quy định cụ thể tại các quy phạm, tiêu chuẩn các văn bản khác về lĩnh vực kỹ thuật an toàn.

b. Vệ sinh lao động

VSLĐ là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người LĐ. Để ngăn ngừa sự tác động của các yếu tố có hại phải tiến hành một loạt các biện pháp cần thiết. Trước hết, phải nghiên cứu sự phát sinh và tác động của các yếu tố có hại đối với cơ thể

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

con người, trên cơ sở đó xác định tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các yếu tố đó trong môi trường LĐ, xây dựng các biện pháp VSLĐ.

c. Chính sách, chế độ bảo hộ lao động

Các chính sách, chế độ BHLĐ chủ yếu bao gồm: Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý và cơ chế quản lý công tác bảo hộ lao động.

Các chính sách, chế độ nhằm đảm bảo sử dụng sức LĐ hợp lý, khoa học; bồi dưỡng phục hồi sức LĐ; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi...

Các chính sách, chế độ BHLĐ nhằm bảo đảm thúc đẩy việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, biện pháp về VSLĐ như chế độ trách nhiệm của cán bộ quản lý, của tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động ; kế hoạch hóa công tác BHLĐ, các chế độ về tuyên truyền huấn luyện, chế độ thanh tra, kiểm tra, chế độ về khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động...

2. Tính chất của công tác BHLĐ

a. Tính pháp luật

Tính chất luật pháp của BHLĐ thể hiện ở tất cả các quy định về công tác BHLĐ, gồm:

- Các quy định về kỹ thuật: quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.
- Các quy định về tổ chức, trách nhiệm và chính sách, chế độ BHLĐ đều là những văn bản pháp luật bắt buộc mọi người có trách nhiệm phải tuân theo, nhằm bảo vệ sinh mạng, toàn vẹn thân thể và sức khỏe người lao động.
- Mọi vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, tiêu chuẩn VSLĐ trong quá trình lao động sản xuất đều là những hành vi vi phạm pháp luật về BHLĐ.

b. Tính khoa học kỹ thuật

Bảo hộ lao động gắn liền với sản xuất, khoa học kỹ thuật về BHLĐ gắn liền với khoa học công nghệ sản xuất.

- Người lao động sản xuất trực tiếp trong dây chuyền phải chịu ảnh hưởng của bụi, của hơi, khí độc, tiếng ồn, sự rung sóc của máy móc... và những nguy cơ có thể xảy ra tai nạn lao động. Muốn khắc phục những nguy hiểm đó, không còn cách nào khác là áp dụng các biện pháp khoa học, công nghệ.

- Khoa học kỹ thuật BHLĐ là khoa học tổng hợp dựa trên tất cả các thành tựu khoa học của các môn khoa học cơ bản như: Cơ, Lý, Hóa, Sinh vật... và bao gồm tất cả các ngành kỹ thuật như: Cơ khí, Điện, Mỏ, Xây dựng...

Muốn thực hiện tốt công tác BHLĐ phải tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật BHLĐ gắn liền với việc nghiên cứu cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật công nghệ sản xuất.

Như vậy quá trình phát triển kỹ thuật, công nghệ sản xuất chính là diễn ra quá trình thay đổi về chất lao động của con người. Lao động của con người dần được giảm nhẹ, tiến tới loại bỏ điều kiện lao động nguy hiểm và độc hại.

c. Tính quần chúng

Quần chúng lao động là những người trực tiếp thực hiện quy phạm, quy trình và các biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc... Vì vậy, chỉ có quần chúng tự giác thực hiện thì mới ngăn ngừa được tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Hàng ngày, hàng giờ người lao động trực tiếp làm việc, tiếp xúc với quá trình sản xuất, với máy móc, thiết bị và đối tượng lao động. Như vậy, chính họ là người có khả năng phát hiện những yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất. Từ đó, có thể đề xuất các biện pháp giải quyết hoặc tự mình giải quyết, để phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

IV. CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM, CÓ HẠI TRONG LAO ĐỘNG

Trong một điều kiện lao động cụ thể, bao giờ cũng xuất hiện các yếu tố vật chất có ảnh hưởng xấu, nguy hiểm, có nguy cơ gây tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động, ta gọi đó là các yếu tố nguy hiểm và có hại. Cụ thể là:

- Các yếu tố gây chấn thương: các cơ cấu truyền động, chuyển động; các mảnh dụng cụ, vật liệu gia công bắn ra; điện giật, bỏng điện; các yếu tố về nhiệt (kim loại nóng chảy, thiết bị nhiệt, khí nóng,...); làm việc trên cao, vật rơi trên cao; trơn trượt,...
- Các yếu tố vật lý: nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động, các bức xạ có hại, bụi.
- Các yếu tố hóa học: các chất độc, các loại hơi, khí, bụi độc, các chất phóng xạ.
- Các yếu tố sinh vật, vi sinh vật: các loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng, côn trùng, rắn.
- Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động, không tiện nghi do không gian chỗ làm việc, nhà xưởng chật hẹp, mất vệ sinh.
- Các yếu tố về tâm lý không thuận lợi... đều là những yếu tố nguy hiểm và có hại.

V. CÁC BIỆN PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT AN TOÀN CƠ BẢN

1. Thiết bị che chắn

Dùng để cách ly vùng nguy hiểm và người lao động, ngăn ngừa người lao động rơi, tụt, ngã hoặc vật rơi vào người. Thiết bị che chắn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Ngăn ngừa được tác động xấu do bộ phận, thiết bị sản xuất gây ra
- Không gây trở ngại cho thao tác của người lao động.
- Dễ tháo lắp, sửa chữa khi cần thiết.

2. Thiết bị bảo hiểm hay phòng ngừa

Thiết bị bảo hiểm dùng để ngăn ngừa tác động xấu do quá trình sản xuất gây ra như: do quá tải, bộ phận chuyển động đi quá giới hạn, nhiệt độ cao hoặc thấp, cường độ dòng điện cao quá,... Khi đó, thiết bị bảo hiểm tự động ngắt.

Thiết bị bảo hiểm có nhiều loại nhưng có yêu cầu chung là phải tính toán chính xác và khi sử dụng phải thực hiện đúng quy định về kỹ thuật và kỹ thuật an toàn.

3. Tín hiệu, báo hiệu

Dùng để nhắc nhở, hướng dẫn thao tác, để nhận biết yêu cầu về kỹ thuật và kỹ thuật an toàn thực hiện đúng quy ước.

Thường dùng ánh sáng, âm thanh, màu sắc để làm tín hiệu báo hiệu.

Dùng đồng hồ, dụng cụ đo lường để theo dõi sự thay đổi của các thông số làm việc.

4. Khoảng cách an toàn

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người LĐ và các phương tiện, thiết bị, các đối tượng nguy hiểm, hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa chúng với nhau – đảm bảo không gây tác động xấu.

Các loại khoảng cách an toàn thường gặp: khoảng cách an toàn giữa các phương tiện vận chuyển, khoảng cách an toàn về điện, khoảng cách an toàn về phóng xạ...

5. Cơ cấu điều khiển, phanh hãm, điều khiển từ xa

a. Cơ cấu điều khiển: có thể là nút mở, đóng máy, hệ thống tay gạt, vô lăng điều khiển... các cơ cấu này phải có cấu tạo và bố trí sao cho dễ điều khiển, dễ phân biệt, phù hợp với cơ thể người lao động.

b. Khóa liên động: là loại cơ cấu nhằm tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động khi người lao động vi phạm trong vận hành thao tác.

c. Điều khiển từ xa và tự động hóa: là phương pháp làm việc an toàn nhất, đặc biệt cần thiết ở những nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm cao (hóa chất, luyện kim)

6. Trang bị bảo hộ lao động cá nhân

Ngoài các biện pháp như trên nhằm phòng chống các yếu tố nguy hiểm trong lao động, trong các điều kiện sản xuất còn cần phải sử dụng các trang bị bảo hộ lao động. Có nhiều loại trang bị bảo hộ lao động khác nhau phù hợp với từng công việc cụ thể.

VI. CÁC BIỆN PHÁP VỀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

Việc đấu tranh để hạn chế, loại trừ các tác hại nghề nghiệp là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiều bộ phận như: kỹ thuật, sản xuất, an toàn lao động, y tế...

Tùy tình hình cụ thể, có thể áp dụng một trong các biện pháp sau:

1. Biện pháp kỹ thuật công nghệ

Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhằm cơ giới hóa, tự động hóa các quá trình sản xuất, cải tiến các qui trình công nghệ, sử dụng các chất không độc hoặc ít độc hơn,... Nhờ các biện pháp đó, người lao động không còn tiếp xúc với các tác hại nghề nghiệp, loại trừ các thao tác lao động nặng, vừa đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe vừa nâng cao năng suất lao động.

2. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh

Lắp đặt hoặc cải tiến hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống bụi, chống ồn,... tại nơi lao động là những biện pháp góp phần cải thiện điều kiện lao động tốt hơn.

Các biện pháp trên giúp không chế được tác hại nghề nghiệp, hạn chế được các tác hại đối với sức khỏe người lao động.

3. Biện pháp phòng hộ cá nhân

Trang bị và sử dụng đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động dựa theo tính chất độc hại của từng ngành, nghề sản xuất, phù hợp với từng người cụ thể là một biện pháp hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo an toàn và phòng bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

4. Biện pháp tổ chức lao động

– Thực hiện việc phân công, phân nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng, sức khỏe của từng người lao động.

– Tổ chức thời gian lao động, thời gian nghỉ ngơi hợp lý theo tính chất, điều kiện của từng công việc cụ thể.

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

- Sắp xếp các tư thế lao động thoải mái, không gò bó. Công cụ sản xuất phù hợp với người lao động về hình dáng, kích thước, trọng lượng.
- Luôn tìm các biện pháp cải tiến để giảm các thao tác nặng nhọc, giảm cường độ lao động.

5. Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe

- Khám tuyển và khám định kỳ cho người lao động nhằm quản lý, theo dõi chặt chẽ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp kịp thời có biện pháp giải quyết.
- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, an toàn và cung cấp đủ thức ăn hằng ngày.
- Đối với công nhân làm những công việc nặng hoặc có tính chất độc hại phải có những chế độ ưu đãi đặc biệt. Đối với công nhân bị mắc bệnh nghề nghiệp phải tiến hành giám định sức khỏe để có các biện pháp thích đáng.



Bài 2: LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH BẢO HỘ LAO ĐỘNG

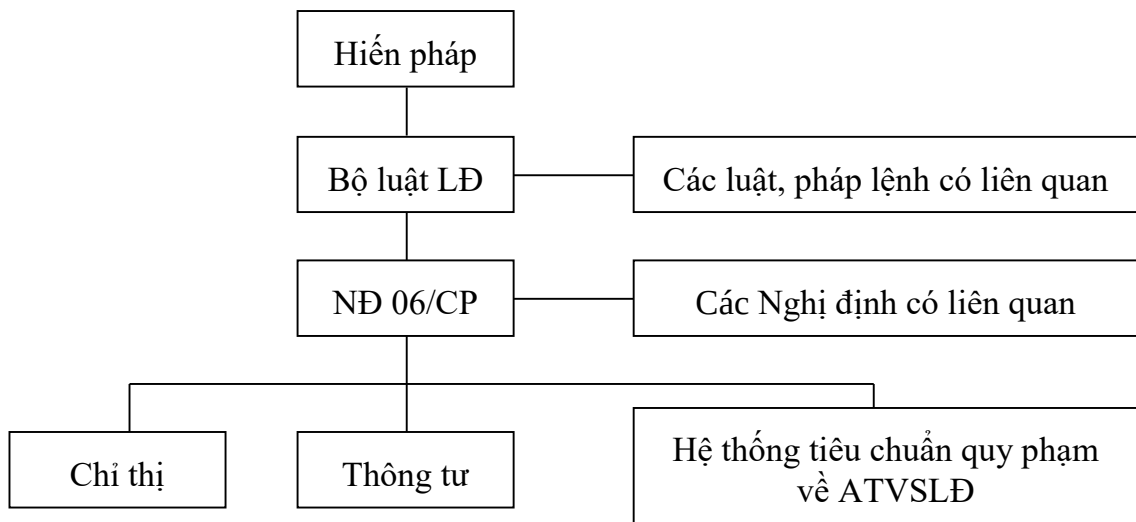
Mục tiêu : Hiểu biết về luật pháp Bảo hộ lao động và thực hiện tốt các điều luật, quy định về an toàn lao động trong khi thực tập rèn nghề và thực tập sản xuất.

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH BHLĐ CỦA VIỆT NAM

Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách BHLĐ gồm 3 phần:

- **Phần 1:** Bộ luật lao động và các luật khác, pháp lệnh có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ)
- **Phần 2:** Nghị định 06/CP và các nghị định khác có liên quan đến ATVSLĐ
- **Phần 3:** Các thông tư, chỉ thị, tiêu chuẩn quy phạm ATVSLĐ

Có thể minh họa theo sơ đồ sau:



1. Bộ luật LĐ và các luật pháp có liên quan đến ATVSLĐ

a. Một số điều của bộ luật lao động (Ngoài ch.IX) có liên quan đến ATVSLĐ

Bộ luật lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 23/06/1994 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1995. Trong Bộ luật lao động có chương IX về “An toàn lao động, vệ sinh LĐ” ngoài ra còn có nhiều điều thuộc các chương khác có liên quan đến BHLĐ. Dưới đây là nội dung cơ bản của một số điều chính:

- Điều 29, chương IV quy định hợp đồng LĐ
- Điều 39, chương IV quy định một trong nhiều trường hợp về chấm dứt hợp đồng LĐ là: “Người sử dụng lao động không được đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ khi người lao động bị ốm đau hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo quyết định của thầy thuốc”
- Điều 46, chương IV quy định một trong những nội dung chủ yếu của thỏa ước tập thể là ATLĐ, VSLĐ

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

- Điều 68, tiết 2, chương VII quy định việc rút ngắn thời gian làm việc đối với những người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Điều 68 quy định số giờ làm thêm không được vượt quá trong 1 ngày, 1 năm.
- Điều 71, chương VII quy định thời gian nghỉ ngơi giữa 2 ca làm việc.
- Điều 83, chương VIII quy định một trong những nội dung chủ yếu của nội quy LĐ là ATLĐ, VSLĐ ở nơi làm việc
- Điều 84, chương VIII quy định các hình thức xử lý người vi phạm kỷ thuật LĐ trong đó có vi phạm nội dung an toàn VSLĐ.
- Điều 113, chương X quy định không sử dụng LĐ nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại đã được quy định.
- Điều 121, chương XI quy định cấm người LĐ chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục quy định.
- Điều 127, chương XI quy định phải tuân theo những quy định về điều kiện LĐ, công cụ LĐ, an toàn LĐ, vệ sinh LĐ phù hợp với người tàn tật.
- Điều 143, tiết 1, chương XII quy định việc trả lương, chi phí cho người lao động trong thời gian nghỉ việc để chữa trị vì TNLĐ hoặc bệnh nghề nghiệp. Tiết 2 quy định chế độ tử tuất, trợ cấp thêm một lần cho thân nhân người lao động bị chết do TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.

b. Một số luật, pháp lệnh có liên quan đến ATVSLĐ

Bộ luật LĐ cũng chưa có thể đề cập mọi vấn đề, mọi khía cạnh có liên quan đến ATLĐ, do đó trong thực tế còn có nhiều luật, pháp lệnh với một số điều khoản liên quan đến nội dung này. Trong đó cần quan tâm đến một số văn bản pháp lý sau:

- Luật bảo vệ môi trường (1993) với những điều 11, 19, 19 đề cập đến vấn đề áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, những hành vi bị nghiêm cấm, ... có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường và cả vấn đề an toàn VSLĐ trong doanh nghiệp ở những mức độ nhất định.
- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân (1989) với các điều 9, 10, 14
- Pháp lệnh quy định việc quản lý nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy (1961)
- Luật công đoàn (1990). Trong luật này trách nhiệm và quyền công đoàn trong công tác BHLĐ được nêu rất cụ thể trong điều 6, chương II, từ việc phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật BHLĐ, xây dựng tiêu chuẩn quy phạm ATLĐ, VSLĐ đến trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục BHLĐ cho người LĐ, kiểm tra việc chấp hành BHLĐ, tham gia điều tra TNLĐ, ...
- Luật hình sự (1999) trong đó có nhiều điều với tội danh liên quan đến ATLĐ, VSLĐ như điều 227 tội vi phạm quy định về ATLĐ, VSLĐ... điều 229 tội vi phạm quy định xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; điều 236, 237 liên quan đến chất phóng xạ; điều 239, 240 liên quan đến chất cháy, chất độc và phòng cháy,...

2. Nghị định 06/CP và các nghị định khác có liên quan

Trong hệ thống các văn bản luật pháp về BHLĐ, các Nghị định có một vị trí rất quan trọng, đặc biệt là Nghị định 06/CP của Chính phủ ngày 20/01/1995 quy định chi tiết của một số điều của Bộ luật LĐ về ATLĐ, VSLĐ

- Nghị định 06/CP gồm 7 chương, 24 điều

Chương I: Đối tượng và phạm vi áp dụng

Chương II: An toàn LĐ và VSLĐ

Chương III: Tai nạn LĐ và bệnh nghề nghiệp

Chương IV: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng LĐ, người LĐ

Chương V: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước

Chương VI: Trách nhiệm của tổ chức công đoàn

Chương VII: Điều khoản thi hành

Trong Nghị định, vấn đề ATLĐ, VSLĐ đã được nêu khá cụ thể và cơ bản, chặt chẽ và hoàn thiện hơn so với những văn bản trước đó. Ngoài ra còn một số nghị định khác liên quan đến ATVSLĐ như:

- Nghị định 195/CP (31/12/1994) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật LĐ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi
- Nghị định 38/CP (25/06/1996) của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật LĐ có liên quan đến ATLĐ
- Nghị định 46/CP (06/08/1996) của chính phủ quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế có liên quan đến hành vi vi phạm VSLĐ.

3. Các chỉ thị, thông tư có liên quan đến ATVSLĐ

a. Các chỉ thị

Căn cứ vào các điều trong chương 9 Bộ luật LĐ, Nghị định 06/CP và tình hình thực tế, Thủ tướng đã ban hành các chỉ thị ở những thời điểm thích hợp chỉ đạo việc đẩy mạnh công tác ATVSLĐ, phòng chống cháy nổ, như:

- Chỉ thị 237/TTg (19/04/1996) của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường các biện pháp thực hiện công tác PCCC
- Chỉ thị số 13/1998/CT-TTg (26/03/1998) của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong tình hình mới.

b. Các thông tư

Có nhiều thông tư có liên quan đến ATVSLĐ, nhưng ở đây chỉ nêu lên những thông tư đề cập tới các vấn đề thuộc nghĩa vụ và quyền của người sử dụng LĐ, người lao động

- Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN của Bộ LĐ – Thương binh và Xã hội – Bộ y tế - Tổng liên đoàn lao động VN hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác BHLĐ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thông tư số 10/1998/TT-LĐTBXH (28/05/1998) của Bộ LĐ-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân
- Thông tư số 08/TT-LĐTBXH (11/04/1995) của Bộ LĐ-Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác huấn luyện về ATLĐ-VSLĐ.

- Thông tư số 23/TT-LĐTBXH (19/09/1995) của Bộ LĐ-Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung Thông tư số 8/TT-LĐTBXH.
- Thông tư số 13/TT-BYT (24/10/1996) của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý sức khỏe người LĐ và bệnh nghề nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 08/1998/TTLT-BYT-BLĐTBXH – của Bộ y tế, Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về bệnh nghề nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 03/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ y tế - Tổng liên đoàn LĐ Việt Nam hướng dẫn khai báo và điều tra TNLĐ
- Thông tư số 23/LĐTBXH – TT (18/11/1996) của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ thống kê báo cáo định kỳ TNLĐ
- Thông tư số 10/1999/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN của Bộ LĐ – Thương binh và Xã hội - Bộ y tế hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

c. Hệ thống tiêu chuẩn, quy định về ATVSLĐ và kỹ thuật an toàn

Các tiêu chuẩn, quy phạm này là những quy định bắt buộc phải thực hiện đối với người lao động, người sử dụng LĐ, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ chức lao động thuộc các thành phần kinh tế.

- **Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn:** Là những nguyên tắc và tiêu chuẩn quản lý kỹ thuật an toàn do chính phủ hoặc do cơ quan bộ ngành quản lý chuyên ngành kỹ thuật nghiên cứu, xây dựng và ban hành nhằm tạo điều kiện làm việc an toàn cho người lao động trong quá trình LĐ
 - **Quy trình kỹ thuật an toàn** do bộ, ngành hay doanh nghiệp nghiên cứu ban hành quy định chi tiết, trình tự tiến hành công việc và các thao tác an toàn
- Hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm về ATVSLĐ và KTAT đã được ban hành có thể chia thành các nhóm sau:
- Nhóm các tiêu chuẩn cơ bản đề cập tới các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất, các tiêu chuẩn ATLĐ, các thuật ngữ, các định nghĩa liên quan đến an toàn điện, phóng xạ, kỹ thuật ánh sáng, an toàn cháy, chất lượng không khí, nước,...
 - Nhóm các tiêu chuẩn về yêu cầu chung và định mức các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất đề cập đến các lĩnh vực chiếu sáng, trường điện từ, bức xạ ion hóa, cháy nổ, tiếng ồn, tín hiệu âm thanh, rung động, không khí, nước thải,...
 - Nhóm các tiêu chuẩn yêu cầu chung về an toàn đối với thiết bị sản xuất đề cập đến các yêu cầu an toàn đối với các thiết bị điện, băng tải, thiết bị nâng hạ, các máy gia công kim loại, hệ thống thông gió, thiết bị lạnh, thiết bị nén khí, nồi hơi, thiết bị axetylen, ô tô, máy kéo,...
 - Nhóm các tiêu chuẩn yêu cầu chung về an toàn đối với quy trình sản xuất đề cập đến những yêu cầu chung và một số quy phạm an toàn trong công việc sơn, gia công gỗ, nhiệt luyện, hàn điện, vận chuyển hàng nguy hiểm, xếp dỡ, khai thác chế biến đá lộ thiên, sản xuất và sử dụng oxy, axetylen, an toàn điện trong xây dựng,...
 - Nhóm các tiêu chuẩn yêu cầu đối với các phương tiện bảo vệ cá nhân đề cập tới các phương tiện bảo vệ cá nhân như quần áo, mặt nạ, bao tay, giày, ủng, kính,...
- Những tiêu chuẩn ban hành từ năm 1990 đến nay theo tiêu chuẩn quốc tế ISO.

II. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BHLĐ.

1. Nội dung quản lý Nhà nước về BHLĐ

- Ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn ATLĐ, tiêu chuẩn VSLĐ đối với máy móc, thiết bị, nơi làm việc và các tác nhân có liên quan đến điều kiện LĐ, tiêu chuẩn chất lượng, quy các các loại phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn phân loại LĐ theo điều kiện LĐ; tiêu chuẩn sức khoẻ đối với các nghề, các công việc.
- Ban hành và quản lý thống nhất các quy phạm an toàn, quy phạm VSLĐ.
- Quy định quyền và nghĩa vụ của người LĐ và người sử dụng LĐ.
- Nội dung huấn luyện, đào tạo về AT-VSLĐ.
- Thanh tra, kiểm tra AT-VSLĐ.
- Điều tra, thống kê tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp.
- Thông tin về AT-VSLĐ.
- Xử lý các vi phạm về AT-VSLĐ.
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực AT-VSLĐ

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác BHLĐ

Điều 19 của Nghị định 06/CP ngày 20 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về AT-VSLĐ. Trong đó quy định trách nhiệm của các Bộ, Ngành cụ thể như sau:

- **Bộ lao động – Thương binh và Xã hội**

Bộ Lao động– Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản pháp luật, các chính sách chế độ về BHLĐ, AT-VSLĐ. Xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm Nhà nước về ATLĐ, tiêu chuẩn phân loại LĐ theo điều kiện LĐ. Hướng dẫn chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện về ATLĐ; Thanh tra an toàn LĐ. Tổ chức thông tin huấn luyện về AT-VSLĐ. Hợp tác với nước ngoài và của tổ chức quốc tế trong lĩnh vực VSLĐ.

- **Bộ y tế**

Bộ y tế có trách nhiệm xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm VSLĐ, tiêu chuẩn sức khoẻ đối với các nghề, các công việc. Hướng dẫn chỉ đạo các ngành, cấp thực hiện VSLĐ; thanh tra VSLĐ; Tổ chức khám sức khoẻ và điều trị bệnh nghề nghiệp; Hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực VSLĐ

- **Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường**

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn lao động, VSLĐ.

Ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy cách các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động. Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà nước về AT-VSLĐ.

- **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc đưa nội dung ATLĐ-VSLĐ vào chương trình giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- **Các Bộ, Ngành**

Các Bộ, Ngành có liên quan có trách nhiệm ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm ATLĐ - VSLĐ cấp Ngành sau khi có thoả thuận bằng văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

- Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị cơ sở thuộc Bộ, Ngành mình trong việc thực hiện các chế độ, chính sách về BHLĐ.

- **Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương**

Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về ATLĐ – VSLĐ trong phạm vi địa phương mình ; Xây dựng các mục tiêu đảm bảo ATLĐ - VSLĐ và cải thiện điều kiện LĐ trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và ngân sách của địa phương với các nội dung sau :

- Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc tất cả các thành phần kinh tế (kể cả các cơ sở sản xuất của Trung ương, các cơ sở liên doanh, tư doanh do người nước ngoài quản lý) đóng trên địa bàn của địa phương thực hiện luật lệ, chế độ BHLĐ, tiêu chuẩn, quy phạm AT-VSLĐ của nhà nước.
- Xây dựng các chương trình về BHLĐ, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách của địa phương; Xây dựng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các chủ trương, Quyết định về BHLĐ; Chỉ đạo và tổ chức phối hợp các hoạt động về BHLĐ giữa các cơ quan chức năng đảm bảo hiệu lực và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và BHLĐ trong địa phương
- Thanh tra việc thực hiện các luật lệ, chế độ BHLĐ, tiêu chuẩn , quy phạm ATLĐ – VSLĐ của nhà nước và các quy định của địa phương trong các đơn vị doanh nghiệp đóng trên địa bàn.
- Thẩm tra xem xét các giải pháp về ATLĐ trong các luận chứng kinh tế kỹ thuật ; Các đề án thiết kế của các dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cá nhân trước khi trình Ủy ban nhân dân quyết định. Đăng ký, kiểm tra và cấp giấy phép sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ theo phân cấp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.
- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra AT-VSLĐ của địa phương. Huấn luyện và kiểm tra sát hạch về BHLĐ cho cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh ở các cơ sở thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Phối hợp với Bộ, Ngành huấn luyện và kiểm tra sát hạch về BHLĐ cho các cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh của các ngành, các cơ sở trên địa bàn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
- Điều tra các vụ tai nạn chết người và những vụ tai nạn LĐ có nhiều người bị thương nặng. Kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về BHLĐ gây hậu quả nghiêm trọng.
- Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện các quy định về BHLĐ ở địa phương; Theo dõi đôn đốc các đơn vị cơ sở thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về BHLĐ.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về BHLĐ với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

Các cơ quan LĐ– thương binh và Xã hội, Y tế, phòng cháy, chữa cháy địa phương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thực hiện quản lý nhà nước về BHLĐ ở địa phương.

- **Thanh tra nhà nước về AT -VSLĐ**

Thanh tra nhà nước về AT-VSLĐ có các nhiệm vụ chính sau:

- Thanh tra việc chấp hành các quy định về AT-VSLĐ và các chế độ BHLĐ.
- Điều tra tai nạn LĐ và những vi phạm về tiêu chuẩn AT-VSLĐ
- Tham gia xét duyệt các luận chứng kinh tế kỹ thuật, các đề án thiết kế về mặt AT-VSLĐ khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo cơ sở để sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và lưu giữ các máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ.
- Đăng ký giấy phép sử dụng máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ theo danh mục do Bộ LĐ– Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế quyết định.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người LĐ vi phạm pháp luật về AT- VSLĐ
- Xử lý các vi phạm về AT-VSLĐ theo thẩm quyền của mình và kiến nghị với các cơ quan xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền của cơ quan đó.
- Việc thanh tra Nhà nước về AT-VSLĐ trong các lĩnh vực phóng xạ , thăm dò, khai thác dầu khí; Các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, bộ, đường hàng không và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang do các cơ quan quản lý ngành đó chịu trách nhiệm, có sự phối hợp của Bộ LĐ – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng LĐ

- Nghĩa vụ
 - Hàng năm phải lập kế hoạch, biện pháp AT-VSLĐ, cải thiện điều kiện LĐ.
 - Phân công và cử người giám sát việc thực hiện các quy định về BHLĐ
 - Xây dựng nội quy, quy trình AT-VSLĐ phù hợp với từng loại thiết bị, vật tư...
 - Thực hiện hướng dẫn, huấn luyện các tiêu chuẩn quy định, biện pháp AT-VSLĐ đối với người LĐ.
 - Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và thực hiện đầy đủ các chế khác về an toàn LĐ theo quy định của nhà nước
 - Tổ chức khám sức khỏe cho người LĐ theo tiêu chuẩn chế độ quy định
 - Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra TNLĐ, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác BHLĐ với Sở LĐ-Thương binh và Xã hội, sở Y tế

Những khái niệm về công tác bảo hộ lao động

- Quyền
 - Buộc người LĐ phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn LĐ
 - Khen thưởng và kỷ luật trong công tác BHLĐ
 - Khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra về AT-VSLĐ, nhưng vẫn phải chấp hành các quyết định đó khi chưa có quyết định mới.

4. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

- Nghĩa vụ
 - Chấp hành các quy định về AT-VSLĐ có liên quan đến công việc được giao
 - Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang bị, các thiết bị AT-VSLĐ nơi làm việc, nếu làm mất, hư hỏng phải bồi thường.
 - Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc có sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn LĐ khi có lệnh của người sử dụng LĐ.
- Quyền
 - Yêu cầu người sử dụng LĐ đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện LĐ; trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện, thực hiện biên pháp AT-VSLĐ.
 - Từ chối hoặc rời bỏ công việc khi thấy nguy cơ xảy ra TNLĐ đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo cáo ngay với người phụ trách trực tiếp; Từ chối trở lại nơi làm việc nói trên nếu các nguy cơ đó vẫn chưa được khắc phục
 - Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng LĐ vi phạm quy định của nhà nước hoặc không chịu thực hiện các giao kết về AT-VSLĐ trong hợp đồng LĐ và thỏa ước LĐ.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức công đoàn

Công đoàn là tổ chức đại diện cho người LĐ, bảo vệ quyền lợi của người LĐ về BHLĐ theo luật pháp hiện hành và luật công đoàn.

- Công đoàn cơ sở thay mặt người LĐ ký thỏa ước LĐ tập thể với NSDLĐ
- Tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ chính sách về BHLĐ. Có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, người sử dụng LĐ thực hiện đúng pháp luật, tiêu chuẩn quy định về BHLĐ và yêu cầu người có trách nhiệm tạm ngừng hoạt động ở những nơi có nguy cơ gây TNLĐ.
- Công đoàn tham gia với cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền xây dựng các văn bản pháp luật, chế độ chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm, kế hoạch, biện pháp về BHLĐ
- Công đoàn cử đại diện tham gia vào các đoàn điều TNLĐ
- Công đoàn cùng với chính quyền xét khen thưởng và xử lý vi phạm về BHLĐ

- Công đoàn tuyên truyền giáo dục và tham gia tổ chức huấn luyện về BHLĐ cho người LĐ, vận động họ làm tốt nghĩa vụ trong công tác BHLĐ.
- Công đoàn tổ chức, chỉ đạo hoạt động phong trào quần chúng làm công tác BHLĐ và quản lý, chỉ đạo hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

III. KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT VỀ BHLĐ

Khen thưởng, xử phạt về BHLĐ là một yêu cầu không thể thiếu được nhằm làm cho luật pháp, chế độ, chính sách BHLĐ được chấp hành, thực hiện nghiêm chỉnh, động viên kịp thời những điển hình tốt, xử lý nghiêm và đúng những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về AT-VSLĐ.

1. Khen thưởng về BHLĐ

Khen thưởng riêng về BHLĐ là một hình thức động viên rất cần thiết đối với tập thể, cá nhân có thành tích về AT-VSLĐ trong các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh.

Tùy theo thành tích của các tập thể, cá nhân có thể được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Lao động- Thương binh và xã hội, xét tặng các hình thức khen thưởng thích đáng. Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được đề nghị tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, cờ thi đua luân lưu của Chính phủ hoặc đề nghị nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

2. Xử phạt vi phạm về BHLĐ

a. Phạt các vi phạm về an toàn lao động

Phạt các vi phạm về an toàn LĐ được thực hiện theo mục II Nghị định 38/CP ngày 25 tháng 06 năm 1996

b. Phạt các vi phạm về vệ sinh lao động

Phạt các vi phạm về VSLĐ được thực hiện theo Nghị định 46/CP ngày 06 tháng 08 năm 1996 của Chính phủ quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế với mức phạt và nội dung vi phạm được quy định trong điều 3 của Nghị định.

Nếu doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh không thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về BHLĐ gây ô nhiễm môi trường thì có thể xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo nghị định số 26/CP ngày 24 tháng 06 năm 1996 của Chính phủ.

Nếu vi phạm về an toàn LĐ, VSLĐ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe người khác, gây tổn thất lớn về tài sản, của cải vật chất có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự.



CÂU HỎI HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CHƯƠNG

- 1. Nêu mục tiêu và tính chất của công tác BHLĐ**
- 2. Liệt kê các yếu tố nguy hiểm và có hại trong lao động sản xuất công nghiệp**
- 3. Vẽ sơ đồ hệ thống pháp luật BHLĐ của nước ta hiện nay**
- 4. Trình bày các chương trong Bộ luật lao động có liên quan đến AT-VSLĐ**
- 5. Nêu các trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác BHLĐ**
- 6. Nêu các trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động trong công tác BHLĐ**
- 7. Phân biệt tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cho ví dụ minh họa**
- 8. Cho ví dụ minh họa về việc vi phạm luật pháp bảo hộ lao động, phân tích hướng xử lý và giải quyết theo luật pháp hiện hành**